HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 266/2023/NQ-HĐND	*Lâm Đồng, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Xét Tờ trình số 10241/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

1. Sửa đổi, bổ sung danh mục các khoản thu dịch vụ và mức thu tại khoản 2 Điều 2 như sau:

"2. Danh mục các khoản thu dịch vụ và mức thu kèm theo Nghị quyết này".

2. Bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

"5. Căn cứ tình hình thực tế, các cơ sở giáo dục có thể xem xét miễn hoặc giảm mức thu (không bao gồm tiền ăn, nước uống) đối với học sinh là con liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh; học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, có hoàn cảnh khó khăn; học sinh khuyết tật, học sinh mồ côi cha hoặc mẹ".

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và được áp dụng từ năm học 2024-2025.

2. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:
- UBTVQH;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ GD và ĐT;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- VP: TU, ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- TT Tích hợp DL và Chuyển đổi số tỉnh;
- TT Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Trần Đức Quận

Phụ lục

DANH MỤC CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ VÀ MỨC THU

(Kèm theo Nghị quyết số 266/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

STT	Danh mục các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
I	**Chương trình, hoạt động giáo dục tăng cường; phục vụ hoạt động giáo dục**					
1	Chương trình, hoạt động giáo dục tăng cường					
a	Tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ; giáo dục kỹ năng sống; tổ chức thực hiện các chương trình tăng cường dạy học, gồm: ngoại ngữ, tin học, dạy toán và khoa học bằng tiếng Anh, phát triển năng lực tư duy theo môn học, các chương trình phát triển ứng dụng công nghệ	1.000 đồng/học sinh/tiết/môn	12	12	12	12
b	Các chương trình dạy học có yếu tố nước ngoài	Theo thỏa thuận				
d	Tổ chức giáo dục STEM; STEAM	1.000 đồng/học sinh/tiết/môn	30	30	30	30
5	Hỗ trợ giáo viên giữ trẻ (nhà trẻ, mẫu giáo) và học sinh tiểu học ngoài giờ (cha mẹ trẻ em, học sinh có nhu cầu) (Khoảng thời gian giữ trẻ do nhà trường và phụ huynh thống nhất)	1.000 đồng/học sinh/giờ	7	7	Không	Không
6	Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ vào các ngày nghỉ, ngày hè (8 giờ/ngày)	1.000 đồng/học sinh/ngày	40	Không	Không	Không
II	**Dịch vụ tổ chức bán trú trong các cơ sở giáo dục** (là các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho trẻ em, học sinh ăn, ngủ trưa tại cơ sở giáo dục)					
1	Dịch vụ ăn sáng	1.000 đồng/học sinh/ngày	16	Không	Không	Không
2	Hoạt động tổ chức bán trú					
2.1	Hoạt động tổ chức bán trú có tổ chức nấu ăn					
a	Tiền ăn (bữa chính, bữa phụ)	1.000 đồng/học sinh/ngày	35	30	35	35
b	Tổ chức bán trú: Thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa					
	- Thuê người nấu ăn	1.000đ/học sinh/tháng	119	222	222	222
	- Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường	1.000đ/học sinh/tháng	34			
	- Hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa	1.000đ/học sinh/tháng	112			
c	Chất tẩy rửa vệ sinh đồ dùng, chế biến thức ăn phục vụ nấu ăn cho học sinh bán trú, chất đốt, hỗ trợ điện, nước	1.000đ/học sinh/tháng	50	30	30	30
2.2	Hoạt động tổ chức bán trú không tổ chức nấu ăn					
a	Tiền ăn (bữa chính, bữa phụ)	1.000 đồng/học sinh/ngày	40	35	40	40
b	Tổ chức bán trú: Chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa	1.000đ/học sinh/tháng	136	94	94	94
3	Mua sắm tài sản phục vụ bán trú	1.000đ/học sinh/năm học	50	50	50	50